

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/10/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Lệ Oanh.

2. Ông Vũ Thanh Học.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân và gia đình số 33/TB-TA ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Khiêu Thị T**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố X, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Chau C**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố X, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

(Chị T và anh C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Khiêu Thị T trình bày: Vào năm 2018, chị T và anh Chau C chung sống với nhau nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, lúc đầu sống hòa thuận. Sau này, anh C đi làm về không lo lắng, chăm sóc gì cho vợ con, nhất là khi chị T sinh con, không làm gì được, mọi việc đều phải nhờ cha mẹ chị T phụ giúp. Mặc dù đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh C vẫn không thay đổi. Nhận thấy đời sống chung không thể tiếp diễn, tình cảm không còn, cả hai đã sống ly thân từ ngày 28/10/2019 đến nay nhưng cả hai vẫn không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị T không thể tiếp tục chung sống với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Thời gian chung sống tới nay, giữa chị T và anh C có 01 con chung tên Chau K, sinh ngày 28/11/2018, giới tính nam hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con đến khi con đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của anh C sẽ được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa chị T và anh C không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chau C trình bày: Anh C và chị Khiêu Thị T chung sống với nhau vào năm 2019 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nay chị T xin ly hôn thì anh C không đồng ý ly hôn, vì anh C còn thương vợ con, anh C và chị T không có mâu thuẫn gì, chị T nghe lời cha mẹ nên đòi ly hôn anh C. Về con chung: Anh C đồng ý giao con chung tên Chau K, sinh ngày 28/11/2018, giới tính nam cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh C không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy trích lục khai sinh tên Chau K (bản sao).

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh C vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; giao gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên việc đưa vụ án ra xét xử còn vi phạm thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Khiêu Thị T và anh Chau C là vợ chồng. Về nuôi con: Giao cháu Chau K, sinh ngày 28/11/2018, giới tính nam cho chị T trực tiếp nuôi, ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Khiêu Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Chau C. Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Chau C có nơi cư trú tại khu phố X, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thời hạn đưa vụ án ra xét xử: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của Kiểm sát viên về việc vụ án được đưa ra xét xử còn vi phạm thời hạn. Tuy nhiên vì yếu tố khách quan là thời gian giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên Tòa án không thể mở phiên tòa xét xử đúng thời hạn luật định.

[3] Về hôn nhân: Chị Khiêu Thị T và anh Chau C đều trình bày cả hai chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh C chung sống với nhau mà không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Trong quá trình chung sống, giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân, không cùng quan tâm, chăm lo cho cuộc sống gia đình và con cái, tình cảm không còn nên chị T yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh C. Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận chị T và anh C là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị T trình bày giữa chị và anh C có với nhau 01 đứa con chung tên Chau K, sinh ngày 28/11/2018, giới tính nam. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con đến khi con đủ tuổi trưởng thành, anh C cũng thống nhất, nên cần tiếp tục giao cháu Chau K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh C

cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C đều trình bày giữa anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không công nhận chị Khiêu Thị T và anh Chau C là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cháu Chau K, sinh ngày 28/11/2018, giới tính nam cho chị Khiêu Thị T trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh Chau C cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.
3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Khiêu Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009325 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang, chị T không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- Những người TGT,
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Chí Dũng